

I. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP 5 TUỔI C. NĂM HỌC: 2025-2026

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
1	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT															
2	A. Phát triển vận động															
3	1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp															
4	Thực hiện đúng kỹ thuật và thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh, nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	KQMD	- Hô hấp: Gá gáy, thổi lơ, bóng bay, còi tấu, máy bay.	KQMD	x									1		
5		KQMD	- Tay: Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang hai bên kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân.	KQMD		x								1		
6		KQMD	- Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh soay tròn trước ngực, đưa lên cao.	KQMD			x							1		
7		KQMD	- Lung bụng lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay dơ lên cao chân bước sang phải sang trái. Quay người sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải sang trái.	KQMD				x						1		
8		KQMD	- Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang đưa về phía sau. Nhảy lên.	KQMD						x				1		
9		KQMD												1		
10		KQMD									x			1		
11		KQMD			KQMD								x		1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
12		KQMĐ		KQMĐ									x	1		
13	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động															
14	* Vận động: đi															
15	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây	KQMĐ	Đứng một chân, giữ thẳng người trong 10 giây	KQMĐ			x								1	
16	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bằng mép ngoài bàn chân	NDCT	Đi bằng mép ngoài bàn chân	NDCT				x							1	
17	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên dây dài 3-4m đặt trên sàn	KQMĐ	Đi trên dây	NDCT		x									1	
18	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lên, xuống trên ván dốc dài 2,5m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m	KQMĐ	Đi trên ván kê dốc (dài 2,5m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m)	NDCT			x								1	
19	Giữ được thăng bằng cơ thể, nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động đi nối bàn chân tiến, lùi	NDCT	Đi nối bàn chân tiến, lùi	NDCT	x										1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
20	Kiểm soát được vận động, phản xạ nhanh khi đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh 4-5 lần	NDCT	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT									x	1	
21	Kiểm soát được vận động, phản xạ nhanh khi đi thay đổi hướng vận động ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	KQMĐ	Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh	NDCT								x		1	
22	Giữ được thăng bằng cơ thể, không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục	BC	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) đầu đội túi cát	BC			x							1	
23	* Vận động: chạy														
24	Kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	KQMĐ	Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh	NDCT		x								1	
25	Chạy nhanh 20 m trong 5-6 giây	BC	Chạy nhanh 20 m trong 5-6 giây	BC			x		x		x			3	
26	Bền bỉ, dẻo dai, duy trì được vận động chạy chậm 100 - 120m	NDCT	Chạy chậm 100m- 120m	NDCT					x					1	
27	Bền bỉ, dẻo dai, duy trì tốc độ chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	BC	Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh	BC			x							1	
28	Nhanh nhẹn, dẻo dai, khéo léo khi phối hợp thực hiện vận động đi chạy thay đổi tốc độ theo hướng zích zắc	ĐP	Đi chạy thay đổi tốc độ hướng zích zắc theo hiệu lệnh	ĐP				x						1	
29	Trẻ nhanh nhẹn tự tin khi đi và đập bắt bóng	ĐP	Đi và đập bắt bóng	ĐP					x					1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
30	* Vận động: bò, trườn, trèo														
31	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp nhịp nhàng, khéo léo khi TH VĐ:bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 4-5m không chệch ra ngoài	NDCT	Bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 4-5m	NDCT						x				1	
32	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động bò bằng bàn tay và bàn chân qua 5 hộp cách nhau 50cm	NDCT	Bò bằng bàn tay và bàn chân qua 5 hộp cách nhau 50cm	NDCT					x					1	
33	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động bò trong đường zic zắc (có 7 điểm zic zắc, mỗi điểm cách nhau 1,5m) đúng yêu cầu	KQMĐ	Bò trong đường zic zắc qua 7 điểm, mỗi điểm cách nhau 1,5m	NDCT								x		1	
34	Mạnh dạn, nhanh nhẹn, khéo léo khi bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m liên tục, không chạm	NDCT	Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m	NDCT									x	1	
35	Biết phối hợp tay chân nhịp nhàng, khéo léo trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm đúng kỹ thuật	NDCT	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	NDCT					x					1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
36	Mạnh dạn, tự tin, nhanh nhẹn, khéo léo trèo lên xuống 7 gióng thang liên tục ở độ cao 1,5 m so với mặt đất	NDCT	Trèo lên, xuống 7 gióng thang ở độ cao 1,5m	NDCT									x	1	
37	* Vận động: tung, ném, bắt														
38	Kiểm soát được vận động tung và bắt bóng tại chỗ	NDCT	Tung, bật và bắt bóng tại chỗ	NDCT	x									1	
39	Ném vật về phía trước bằng 1 tay đúng kỹ thuật ở khoảng cách	NDCT	Ném xa bằng 1 tay	NDCT			x							1	
40	Ném vật về phía trước bằng 2 tay đúng kỹ thuật ở khoảng cách xa	NDCT	Ném xa bằng 2 tay	NDCT				x						1	
41	Kiểm soát được vận động tung bóng lên cao và bắt bóng	NDCT	Tung bóng lên cao và bắt bóng	NDCT		x								1	
42	Biết ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	KQMĐ	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	BC								x		1	
43	Ném được trúng đích đứng cao 1,5m ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay	KQMĐ	Ném trúng đích đứng ở khoảng cách xa 2m, cao 1,5m, đường kính 40cm bằng 1 tay	TLHD							x			1	
44	Ném được trúng đích đứng cao 1,5m ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 2 tay	KQMĐ	Ném trúng đích đứng ở khoảng cách xa 2m, cao 1,5m, đường kính 40cm bằng 2 tay	TLHD						x				1	
45	Ném được trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay	KQMĐ	Ném trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay	NDCT			x							1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
46	Ném được trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 2 tay	TLHD	Ném trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 2 tay	TLHD				x							1	
47	Tập trung, khéo léo thực hiện vận động chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân	TLHD	Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân	TLHD								x			1	
48	Biết dùng một số bộ phận cơ thể để giữ bóng	ĐP	Giữ bóng bằng 2 chân, 2 cẳng tay kết hợp đi, bật tiến về phía trước 2m	ĐP				x							1	
49	* Vận động: bật, nhảy															
50	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật xa tối thiểu 50 cm	BC	Bật xa tối thiểu 50cm	BC							x				1	
51	Giữ được thăng bằng khi bật nhảy từ độ cao 40-45cm xuống	NDCT	Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 40-45cm)	NDCT		x									1	
52	Trẻ biết thực hiện vận động bật liên tục vào 5-7 vòng, không bật dẫm vào vòng.	NDCT	Bật liên tục vào vòng	NDCT	x										1	
53	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô liên tục, không dẫm vạch	NDCT	Bật tách chân, khép chân liên tục qua 7 ô	NDCT			x								1	
54	Giữ được thăng bằng khi bật qua vật cản cao 15-20cm	NDCT	Bật qua vật cản cao 15-20cm	NDCT					x						1	
55	Bền bỉ, dẻo dai và giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò 5m	NDCT	Nhảy lò cò 5m	NDCT			x								1	
56	Bền bỉ, dẻo dai và giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	BC	Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	BC					x						1	
57	3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt															

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
58	Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay	KQMĐ	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay	NDCT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9	
59						x								1	
60							x							1	
61										x				1	
62	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề trường mầm non	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề trường mầm non	BC	x									1	
63	Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở);	BC	Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở);	BC	x									1	
64	Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất	BC	Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất	BC		x								1	
65	Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi;	BC	Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi;	BC			x							1	
66	Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.	BC	Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.	BC				x						1	
67	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề trường mầm non	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề trường mầm non	BC					x					1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
68	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề bản thân	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề bản thân	BC						x				1	
69	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề Gia đình	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề Gia đình	BC			x							1	
70	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề Nghề nghiệp	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề NN	BC				x						1	
71	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề :thế giới thực vật, tết & mùa xuân	BC					x					1	
72	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề thế giới động vật	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề thế giới động vật	BC						x				1	
73	:Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề phương tiện giao thông	BC	:Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề phương tiện giao thông	BC							x			1	
74	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề hiện tượng tự nhiên	BC	Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề hiện tượng tự nhiên	BC								x		1	
75	:Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề quê hương-Bác Hồ- trường tiểu học	BC	:Tô các kiểu: Tô đường dài, đường bao, đường tròn chủ đề quê hương-Bác Hồ- trường tiểu học	BC									x	1	
76	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : o, ô, ơ	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : o, ô, ơ	KQMĐ	x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
77	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : a, ã, â	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : a, ã, â	KQMĐ		x									1	
78	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : e,ê	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : e,ê	KQMĐ			x								1	
79	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : u, ư	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : u, ư	KQMĐ				x							1	
80	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : l,t,c	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : l,t,c	KQMĐ				x							1	
81	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : m,l,n	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : m,l,n	KQMĐ					x						1	
82	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : h,k	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : h,k	KQMĐ					x						1	
83	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : b,d,đ	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : b,d,đ	KQMĐ						x					1	
84	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : p,q	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : p,q	KQMĐ							x				1	
85	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : g,y	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái :g,y	KQMĐ								x			1	
86	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : s,x	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : s,x	KQMĐ									x		1	
87	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái : v,r	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái : v,r	KQMĐ									x		1	
88	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 5	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 5	KQMĐ	x										1	
89	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 6	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 6	KQMĐ	x	x									2	
90	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 7	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 7	KQMĐ			x								1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
91	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 8	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 8	KQMĐ				x	x					2	
92	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 9	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 9	KQMĐ					x	x				2	
93	Biết vẽ hình và sao chép chữ số 10	KQMĐ	Vẽ vào sao chép chữ số 10	KQMĐ							x	x		2	
94	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Trường mầm non	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Trường mầm non	BC	x									1	
95	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Bản thân	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Bản thân	BC		x								1	
96	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Gia đình	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Gia đình	BC			x							1	
97	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Nghề nghiệp	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Nghề nghiệp	BC				x						1	
98	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: thế giới thực vật, tết ,MX	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: thế giới thực vật, tết và MX	BC					x					1	
99	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Thế giới động vật	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Thế giới động vật	BC						x				1	
100	Bết cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Một số PTGT	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Một số phương tiện giao thông	BC							x			1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
101	Bêt cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Một số HTTN	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	BC								x		1	
102	Bêt cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu học	BC	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu	BC									x	1	
103	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Trường mầm non	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Trường mầm non	KQMĐ	x									1	
104	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Bản thân	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Bản thân	KQMĐ		x								1	
105	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Gia đình	KQMĐ			x							1	
106	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ				x						1	
107	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: thế giới thực vật, tết &mùa xuân	KQMĐ					x					1	
108	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Thế giới động vật	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Thế giới động vật	KQMĐ						x				1	
109	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ							x			1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
110	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ								x		1	
111	Trẻ biết xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, trường Tiểu Học	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu học	KQMĐ									x	1	
112	Biết tự mặc - cởi quần áo, (phéc mớ tuya)	KQMĐ	Cài - cởi cúc, kéo khóa phéc mớ tuya, khâu - luồn - buộc dây	NDCT		x								1	
113	Biết khâu- luồn-buộc dây	KQMĐ	Cài - cởi cúc, kéo khóa phéc mớ tuya, khâu - luồn - buộc dây	NDCT									x	1	
114	Trẻ biết chơi chơi một số trò chơi vận động và nắm rõ luật chơi : Trời nắng, trời mưa. Cáo thỏ gà trống, ai nhanh hơn, chuyền bóng, hái quả, ô tô và chim sẻ, vượt chướng ngại vật....	ĐP	Trẻ có kĩ năng chơi chơi một số trò chơi vận động và nắm rõ luật chơi : Trời nắng, trời mưa. Cáo thỏ gà trống, ai nhanh hơn, chuyền bóng, hái quả, ô tô và chim sẻ, vượt chướng ngại vật....	BC	x		x		x		x			4	
115						x			x					2	
116										x				1	
117		ĐP		BC					x				1		
118					x			x		x	x				4
119							x				x		2		
120						x				x				2	
121					x				x		x	x		4	
122						x								1	
123					x		x		x					3	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
124	Trẻ biết chơi một số trò chơi dân gian: Thả đĩa baba, bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột, rồng rắn lên mây, chim bay cò bay, cá sấu lên bờ, cáo và thỏ, chi chi chành chành....	ĐP	Chơi một số trò chơi dân gian: Thả đĩa baba, bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột, rồng rắn lên mây, chim bay cò bay, cá sấu lên bờ, cáo và thỏ, chi chi chành chành....	ĐP		x							x	2	
125					x		x	x		x	x			5	
126									x					1	
127							x	x		x				3	
128						x					x			2	
129					x					x				2	
130									x		x			2	
131						x						x		2	
132					x								x	2	
133							x	x	x	x	x	x	x	7	
134	B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe														
135	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe														
136	Nhận biết được 4 nhóm thực phẩm và lựa chọn được một số thực phẩm khi gọi tên	KQMĐ	Trẻ biết được một số thực phẩm giàu chất đạm: Trứng, thịt, sữa	BC		x	x	x				x	x	5	
137		KQMĐ	Trẻ biết một số thực phẩm giàu chất bột đường: Sữa, gạo, ngô...	BC		x								1	
138		KQMĐ	Trẻ biết một số thực phẩm giàu vitamin và khoáng chất	BC			x							1	
139		KQMĐ	Trẻ biết được một số thực phẩm giàu chất béo: Mỡ động vật, dầu thực vật	BC					x					1	
140		KQMĐ	Trẻ biết các nhóm thực phẩm dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể	BC					x						1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
141	nhóm	KQMĐ	Trẻ biết phân biệt 4 nhóm thực phẩm	BC			x								1	
142		KQMĐ	Trẻ biết được tác hại của nước ngọt, nước hóa chất	BC							x				1	
143		KQMĐ		BC	x									1		
144		KQMĐ	Trẻ biết được một số thực phẩm giàu vitamin và khoáng chất	BC					x						1	
145		KQMĐ		BC					x					1		
146		KQMĐ		BC								x			1	
147		KQMĐ		BC	x								x		2	
148	Biết cơ cấu các bữa ăn trong 1 ngày, các món ăn trong 1 bữa ăn	TLHD	Cơ cấu các bữa ăn trong 1 ngày, thức ăn trong bữa ăn	TLHD					x				x		2	
149		KQMĐ	Thao tác cơ bản trong chế biến một số đồ uống đơn giản	TLHD	x								x		2	
150						x						x			2	
151									x						1	
152								x			x				2	
153										x			x		2	
154										x					1	
155							x								1	
156						x						x			2	
157								x							1	
158				Biết thực phẩm có nhiều dạng chế biến và			x									

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
159	cách ăn khác nhau			NDCT								X		1	
160									X					1	
161						X								1	
162							X							1	
163							X						X	2	
164		NDCT	Quan sát chế biến một số món ăn	NDCT	X									1	
165						X								1	
166							X							1	
167								X						1	
168								X						1	
169		NDCT	Hướng dẫn cách chế biến một số món ăn cho trẻ	NDCT						X	X			2	
170										X				1	
171											X			1	
172					X									1	
173						X								1	
174												X		1	
175													X	1	
176				NDCT								X		1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
177	Biết một số loại bệnh tật liên quan đến ăn uống (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)	NDCT	Hướng dẫn chế độ ăn dành cho trẻ	NDCT				x							1	
178					x									1		
179						x								1		
180								x						1		
181				ĐP						x				1		
182										x				1		
183								x					x	2		
184											x			1		
185	Biết cách phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn						x					1				
186		BC	Trẻ biết phòng tránh một số bệnh thường gặp	BC							x	x		2		
187		BC	Trẻ biết ăn uống vệ sinh sạch sẽ	BC				x		x				2		
188													x	1		
189									x					1		
190		NDCT	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	NDCT	x								x	2		
191	TLHD	TLHD								x			1			
192		TLHD		TLHD						x					1	
193								x							1	
194									x						1	
195							x									1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
196	Biết một số thao tác bày, bảo quản.... sản phẩm, thức ăn đơn giản		Thao tác bày, bán, bảo quản...sản phẩm thức ăn đơn giản									x		1		
197													x	1		
198	Biết một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản.	TLHD	Cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản. Đóng vào hộp. Úp lồng bàn	TLHD		x								1		
199							x						1			
200								x					1			
201									x				1			
202						x		x	x					3		
203	Biết lựa chọn ăn/không ăn những thức ăn có lợi/có hại cho sức khỏe	TLHD	Thức ăn có lợi/ có hại cho sức khỏe con người.Có lợi: Cung cấp các dưỡng chất cần thiết cho cơ thể, giúp trẻ phát triển toàn diện.Có hại: Ăn thực phẩm ôi thui, hóa chất gây ngộ độc, tử vong	TLHD						x				1		
204							x		x				x	3		
205										x		x		2		
206		BC		BC				x	x		x			3		
207	Biết một số thói quen ăn uống tốt (ăn chậm, nhai kỹ, không kén chọn thức ăn, không vừa nhai vừa nói,...)	BC	Thói quen ăn uống tốt/không tốt. Khi ăn không được nói chuyện, không làm rơi vãi thức ăn...	BC								x	x	2		
208		TLHD		TLHD			x						1			
209	2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt															
210	Có kỹ năng rửa tay bằng xà phòng đúng quy trình. Có thói quen tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	KQMD	Rèn luyện kỹ năng rửa tay	BC		x						x			2	
211					x				x		x				3	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
212	Có kỹ năng lau mặt đúng thao tác. Có thói quen tự lau mặt	KQMĐ	Rèn luyện kỹ năng lau mặt	BC	x	x	x	x	x					5	
213	Có kỹ năng đánh răng đúng thao tác. Có thói quen tự đánh răng hàng ngày	KQMĐ	Rèn luyện kỹ năng đánh răng	BC					x					1	
214	Biết tự thay quần áo khi bị ướt/bẩn và để vào nơi quy định	KQMĐ	Thay quần áo và để vào nơi quy định	BC							x			1	
215							x					x	2		
216	Có ý thức giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ	KQMĐ	Ý thức vệ sinh cá nhân	BC					x					1	
217					x		x		x			x	4		
218	Có kỹ năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo, khéo léo	KQMĐ	Cách sử dụng đồ dùng ăn uống	BC								x		1	
219							x					x	2		
220	Biết sử dụng thiết bị vệ sinh đúng cách	KQMĐ	Nội quy khu vực vệ sinh	BC						x				1	
221					x							x	2		
222	3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe				#	#	#	#	#	#	#	#	#	0	
223	Rèn cho trẻ kĩ năng mời cô, mời bạn khi ăn	KQMĐ	Mời cô, mời bạn khi ăn	KQMĐ	x	x	x	x				x	x	6	
224	Rèn trẻ kĩ năng văn minh trong ăn uống	KQMĐ	Ăn từ tốn, nhai kỹ, không đùa nghịch trong lúc ăn, không vừa nhai vừa nói, biết nhặt cơm rơi vào đĩa	KQMĐ	x				x			x		3	
225									x					1	
226	Biết lễ phép khi đến trường	KQMĐ	Lễ phép khi đến trường	NDCT					x					1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
227	Rèn trẻ không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	KQMĐ	Không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	ĐP			x	x							2	
228	Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	KQMĐ	Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	KQMĐ				x			x	x			3	
229	Rèn cho trẻ giữ vệ sinh thân thể	KQMĐ	Giữ vệ sinh thân thể	KQMĐ				x							1	
230						x		x			x	x			4	
231	Giáo dục trẻ không khạc nhổ bừa bãi	KQMĐ	Không khạc nhổ bừa bãi	ĐP			x		x				x		3	
232	Trẻ biết được đặc điểm sở thích của mình	KQMĐ	Trẻ biết được đặc điểm sở thích của mình	BC		x					x				2	
233	Giáo dục trẻ che miệng khi hắt hơi, ho	KQMĐ	Che miệng khi hắt hơi, ho	KQMĐ		x	x	x				x			4	
234	Trò chuyện với trẻ về cách lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	KQMĐ	Trò chuyện với trẻ về cách lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	KQMĐ	x								x		2	
235		KQMĐ	Trò chuyện với trẻ về cách lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	KQMĐ									x		1	
236		KQMĐ	Trò chuyện với trẻ về cách lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	KQMĐ			x								1	
237		KQMĐ	Trò chuyện với trẻ về cách lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	KQMĐ				x							1	
238		NDCT	Ích lợi và cách sử dụng trang phục phù hợp thời tiết	NDCT			x	x				x				3
239	Có khả năng nhận biết một số biểu hiện đặc trưng khi ốm và bước đầu biết cách phòng tránh. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt	NDCT	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	NDCT				x							1	
240	4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh															

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH				
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5				
241	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	KQMĐ	Một số đồ vật gây nguy hiểm: Ổ điện, vật sắc nhọn, keo con voi, kéo.....	NDCT	x										1		
242			Hành vi nên và không nên			x		x			x			3			
243	Nhận ra và không chơi với một số con vật có thể gây nguy hiểm		Trò chuyện với trẻ về một số nơi nguy hiểm không được chơi							x					1		
244		KQMĐ	Một số con vật nguy hiểm: Chó, mèo, gà.....	NDCT						x					1		
245	Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. Nói được mỗi nguy hiểm nếu đến gần	KQMĐ	Một số khu vực nguy hiểm: Không chơi cạnh hồ nước, vật sắc nhọn, gần đường, lan can, cầu thang, ngoài cổng, khu công trình đang xây dựng	NDCT					x					x	2		
246	Biết tránh và không làm một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân (cười đùa khi ăn uống dễ gây sặc, ngậm hột hạt, tự ý uống thuốc/ ăn thức ăn lạ, không leo trèo bàn ghế , lan can, không theo	NDCT	x	x										2	
247												x				x	2

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH				
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5				
248			người lạ, trêu động vật, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe, không lại gần người đang hút thuốc lá,...)				x								1		
249						x									1		
250					x								x		2		
251							x								1		
252	Nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp	KQMD	Một số an toàn khi tham gia giao thông	NDCT											0		
253			Trò chuyện với trẻ kĩ năng an toàn khi ngồi trên xe máy					x			x				2		
254			Khi trẻ bị hóc dị vật									x			1		
255			Khi trẻ bị điện giật				x								1		
256			Khi trẻ bị bỏng								x				1		
257			Khi trẻ bị gãy chân, tay							x					1		
258			Khi trẻ bị chảy máu cam										x			1	
259			Khi trẻ gặp sự cố ở cầu thang máy					x								1	
260			Khi trẻ đút dị vật vào tai						x							1	
261			Khi trẻ bị dị vật bay vào mắt			x		x								2	
262			Khi trẻ bị đuối nước			x								1			

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
263		KQMĐ	Một số trường hợp khẩn cấp (cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu,..)	NDCT	x			x							2	
264	Biết tránh một số trường hợp không an toàn	KQMĐ	Một số trường hợp không an toàn: - Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn.	TLHD	x	x		x		x					4	
265		KQMĐ	Tự ý đi ra khỏi nhà/trường/lớp một mình khi chưa được người lớn cho phép	TLHD	x			x							2	
266		KQMĐ	Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn.	TLHD					x				x	2		
267			Hướng dẫn trẻ một số trường hợp không đảm bảo an toàn	TLHD				x			x			2		
268	Biết kêu cứu, gọi người giúp đỡ khi gặp nguy hiểm	KQMĐ	Địa chỉ, số điện thoại của người thân và các số điện thoại trợ giúp: 111,113,114,115	ĐP				x			x				2	
269	Tự giác thực hiện được một số quy định về an toàn tại trường/lớp	KQMĐ	Quy định an toàn của trường/lớp	KQMĐ						x					1	
270	Tự giác thực hiện được một số quy định về an toàn tại nơi công cộng	KQMĐ	Quy định đảm bảo an toàn nơi công cộng	KQMĐ				x			x		x		3	
271	II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC															
272	A. Khám phá khoa học															
273	1. Các bộ phận cơ thể con người															

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
274	Biết sử dụng đúng giác quan, phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu đặc điểm của đối tượng (nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng)	KQMĐ	Các giác quan và chức năng của các giác quan. Mắt để nhìn. Tai để nghe, chân để đi, tay để múa hát, cầm nắm, mũi để ngửi.....	NDCT		x									1	
275	KQMĐ	NDCT				x									1	
276	Nhận biết được sự giống và khác nhau giữa mình và bạn về một số bộ phận trên cơ thể, chiều cao, cân nặng	TLHD	Biết so sánh một số bộ phận trên cơ thể của mình, của bạn về độ cao thấp, sự thay đổi của bản thân về chiều cao cân nặng	TLHD		x									1	
277					x										1	
278	2. Đồ vật:															
279	* Đồ dùng, đồ chơi															
280	Biết một số đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	NDCT	x						x		x		3	
281							x								1	
282					x	x							x		3	
283						x		x					x		3	
284							x	x				x	x		4	
285						x	x	x	x						4	
286							x	x	x				x		4	
287						x	x	x	x	x			x		6	
288							x	x		x			x		4	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
289	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng/ đồ chơi quen thuộc	NDCT	Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ chơi/đồ dùng quen thuộc	NDCT									x	1	
290													x	1	
291					x									1	
292						x								1	
293	Biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi	NDCT	So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.	NDCT	x									1	
294	Biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu về chất liệu và công dụng	NDCT	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu về chất liệu và công dụng	NDCT	x									1	
295	Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.	BC	Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.	BC				x	x	x	x	x	x	6	
296	Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn;	BC	Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn;	BC	x			x	x	x	x	x	x	7	
297	* Phương tiện giao thông														
298	Trẻ biết đặc điểm công dụng đèn tín hiệu giao thông	NDCT	Một số luật lệ giao thông đường bộ	NDCT							x			1	
299											x			1	
300										x			1		
301			Đặc điểm công dụng đèn tín hiệu giao thông							x			1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
302	Trẻ biết được đặc điểm công dụng của phương tiện giao thông đường sắt	NDCT	Đặc điểm công dụng phương tiện giao thông đường sắt	NDCT							x			1	
303	Trẻ biết được đặc điểm công dụng của phương tiện giao thông đường thủy	NDCT	Đặc điểm công dụng của phương tiện giao thông đường thủy	NDCT							x			1	
304										x			1		
305										x			1		
306	Trẻ biết được đặc điểm công dụng của phương tiện giao thông đường hàng không	NDCT	Đặc điểm công dụng phương tiện giao thông đường hàng không	NDCT							x			1	
307										x			1		
308										x			1		
309										x			1		
310										x			1		
311										x			1		
312	3. Động vật và thực vật														
313	Biết đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại cây, hoa ,quả	NDCT	Đặc điểm , ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại cây, hoa ,quả. Cây cho bóng mát, cho trái để ăn, cung cấp các vitamin dưỡng chất cần thiết cho cơ thể.	NDCT					x					1	
314								x					1		
315								x					1		
316							x	x					2		
317								x					1		
318	Biết đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật	NDCT	Đặc điểm , ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật. Con vật: Cung cấp chất đạm, chất béo...Cân bằng hệ	NDCT						x				1	
319									x				1		
320									x				1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
321			sinh thái						x				1		
322	Biết so sánh, phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT	So sánh, phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu	NDCT	x		x		x					3	
323	Có khả năng tự quan sát, phán đoán để phát hiện được mối liên hệ đơn giản giữa con cá với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con cá với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT	x		x		x		x		x	5	
324						x	x	x		x		x	x	6	
325							x		x					2	
326									x					1	
327									x				x	2	
328									x		x			2	
329										x				1	
330											x		x	2	
331	Có khả năng tự quan sát, phán đoán để phát hiện được mối liên hệ đơn giản giữa con cá với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con cá với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT						x				1	
332										x				1	
333										x				1	
334										x				1	
335										x				1	
336	Biết thói quen và nhu cầu của một số con vật gần gũi	ĐP	Thói quen và nhu cầu của một số con vật	ĐP						x				1	
337	4. Một số hiện tượng tự nhiên														
338	* Thời tiết, mùa														

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
339	Nói được một số đặc điểm khi thay đổi thời tiết	BC	Nói được một số đặc điểm khi thay đổi thời tiết	BC			x								1	
340	Nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa xuân	BC	Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. Mùa xuân: ấm áp. ..	BC					x						1	
341		BC		BC					x					1		
342	Nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa hè	BC	Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. Mùa hè: nóng lực,.	BC								x			1	
343		NDCT		NDCT							x			1		
344											x			1		
345	Nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa thu	BC	Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. Mùa thu: Mát mẻ.	BC	x										1	
346						x									1	
347	Nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa đông	BC	Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sốngMùa đông: Lạnh lẽo....	BC				x							1	
348								x							1	
349	Thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm	NDCT	Thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm	NDCT				x							1	
350	Biết được ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt của con người theo mùa	NDCT	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người theo mùa	NDCT	x		x								2	
351	Biết được ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt của con vật theo mùa	NDCT	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con vật theo mùa	NDCT						x					1	
352	Biết được ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt của cây theo mùa	NDCT	Sự thay đổi trong sinh sống của cây theo mùa	NDCT					x						1	
353	Dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	BC	Dấu hiệu dự báo về sự xuất hiện của một số hiện tượng tự nhiên	BC		x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
354	* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng															
355	Nhận ra sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời	NDCT	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời	NDCT								x		1		
356											x		1			
357	*Nước															
358	Biết các nguồn nước trong môi trường sống	NDCT	Các nguồn nước trong môi trường sống	NDCT								x		1		
359	Biết được vòng tuần hoàn của nước	NDCT	Quá trình tuần hoàn của nước	NDCT								x		1		
360	Biết ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây	NDCT	Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây	NDCT					x					1		
361	Biết một số đặc điểm, tính chất của nước	NDCT	Một số đặc điểm, tính chất của nước	NDCT								x		1		
362											x		1			
363	Biết nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	NDCT	Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	NDCT								x		1		
364	*Ánh sáng															
365	Có một số hiểu biết về các nguồn ánh sáng và cách sử dụng hợp lý	ĐP	Các nguồn ánh sáng và cách sử dụng tiết kiệm, hiệu quả	ĐP								x		1		
366											x		1			
367											x		1			
368	*Không khí															
369	Có một số hiểu biết về không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người	NDCT	Không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người.	NDCT	x								x	2		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
370	Có một số hiểu biết về không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con vật.	NDCT	Không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con vật	NDCT						x				1	
371	Có một số hiểu biết về không khí và sự cần thiết của nó với sự sống của cây	NDCT	Không khí và sự cần thiết của nó với sự sống của cây	NDCT					x					1	
372	* Đất, đá, cát, sỏi, giấy....														
373	Biết đặc điểm, tính chất của một số đất, đá, cát, sỏi, giấy.....	NDCT	Đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, giấy.....	NDCT									x	1	
374		NDCT		NDCT		x							1		
375		NDCT		NDCT						x		1			
376		NDCT		NDCT						x		1			
377	B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán														
378	1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm														
379	Biết đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	BC	Đếm trong phạm vi 10, đếm xuôi, đếm ngược theo khả năng	BC	x		x					x	x	4	
380		BC		BC						x		1			
381		BC		BC							x	1			
382		BC		BC	x							1			
383	Biết đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	BC	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	BC								x		1	
384	Nhận biết số lượng trong vi5	BC	Ôn số lượng trong vi5	BC	x									1	
385		BC		BC	x							1			
386		BC		BC	x							1			
387		BC		BC	x							1			
388		BC		BC	x							1			

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
389	Biết đếm đến 6, nhận biết số lượng trong phạm vi 6	BC	Đếm đến 6, nhận biết số lượng trong phạm vi 6	BC	x									1		
390					x									1		
391					x									1		
392	Biết đếm đến 7 nhận biết số lượng trong phạm vi 7	BC	: Đếm đến 7 nhận biết số lượng trong phạm vi 7	BC			x							1		
393							x							1		
394							x							1		
395							x							1		
396	Biết đếm đến 8 nhận biết số lượng trong phạm vi 8	BC	Đếm đến 8 nhận biết số lượng trong phạm vi 8	BC				x						1		
397								x						1		
398								x							1	
399	Biết đếm đến 9 nhận biết số lượng trong phạm vi 9	BC	Đếm đến 9 nhận biết số lượng trong phạm vi 9	BC					x					1		
400									x						1	
401	Biết đếm đến 10 nhận biết số lượng trong phạm vi 10	BC	Đếm đến 10 nhận biết số lượng trong phạm vi 10	BC							x			1		
402		BC		BC						x				1		
403										x					1	
404	So sánh số lượng của 3 nhóm	BC	So sánh số lượng của 3 nhóm	BC	x	x	x	x	x	x	x			7		
405	Có khả năng so sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 6	BC	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 6	BC		x									1	
406						x										1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
407	Có khả năng so sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 7	BC	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 7	BC			x							1	
408							x							1	
409	Có khả năng so sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 8	BC	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 8	BC					x					1	
410									x						1
411	Có khả năng so sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 9	BC	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 9	BC					x	x				2	
412										x					1
413	Có khả năng so sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 10	BC	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 10	BC								x		1	
414		BC		BC					x					1	
415	Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, đếm và nói kết quả	BC	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khâu và đếm (trong phạm vi 10)	BC	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9	
416	Biết cách chia nhóm có 6 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC	- Chia nhóm có 6 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC			x							1	
417							x								1
418	Biết cách chia nhóm có 7 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC	Chia nhóm có 7 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC				x						1	
419								x							
420	Biết cách chia nhóm có 8 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC	- Chia nhóm có 8 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC					x					1	
421									x						
422	Biết cách chia nhóm có 9 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC	- Chia nhóm có 9 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC						x				1	
423											x				

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
424									X				1			
425	Biết cách chia nhóm có 10 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC	Chia nhóm có 10 đối tượng thành hai phần theo các cách khác nhau.	BC									X	1		
426												X	1			
427												X	1			
428	Ôn luyện cách tạo nhóm, so sánh, thêm bớt, chia số lượng theo hai cách khác nhau trong phạm vi 8	BC	Ôn luyện cách tạo nhóm, so sánh, thêm bớt, chia số lượng theo hai cách khác nhau trong phạm vi 8	BC				X						1		
429	Có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	BC	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số tuổi, số nhà, biển số xe, số điện thoại,...)	BC		X									1	
430	Nhận biết được mục đích của tiền trong cuộc sống (để mua thức ăn, đồ chơi,...)	ĐP	Tìm hiểu về đồng tiền Việt Nam (họa tiết, mệnh giá, cách sử dụng)	ĐP				X		X					2	
431	2. Xếp tương ứng															

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
432	Biết ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	NDCT	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	NDCT			x	x			x			3	
433		NDCT			x							1			
434		NDCT					x					1			
435	3. Sắp xếp theo quy tắc														
436	Nhận ra được quy tắc sắp xếp của 4 đối tượng (ABCD, AABB, ABBA) và tiếp tục thực hiện sao chép lại	BC	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (ABCD, AABB, ABBA)	BC			x				x			2	
437												x		1	
438	Biết tự sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	BC	Tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý thích	BC							x		x	2	
439	4. So sánh , đo lường														
440	Biết đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	BC	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	BC								x		1	
441	Biết đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo	BC	Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo	BC								x		1	
442						x							1		
443										x			1		
444								x				1			
445							x						1		
446	Biết đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	BC	Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	BC								x		1	
447												x		1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
448							x	x	x		x		x	5	
449	5. Hình dạng														
450	Biết gọi phân biệt khối cầu, khối trụ.	BC	Nhận biết phân biệt khối cầu, khối trụ.	BC							x			1	
451	Biết các khối hình trong thực tế	BC	Nhận biết các khối hình trong thực tế	BC		x								1	
452	Đếm theo khả năng: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật	BC	Đếm theo khả năng: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật	BC			x							1	
453	Biết gọi tên và phân biệt các hình	BC	Nhận biết các hình	BC		x								1	
454	Biết gọi phân biệt các dạng khối vuông, khối chữ nhật, khối cầu, khối trụ	BC	Nhận biết phân biệt các dạng khối vuông, khối chữ nhật, khối cầu, khối trụ	BC				x						1	
455	Có khả năng chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	BC	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	BC							x			1	
456		BC		BC			x		x			x	3		
457	Biết tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau	BC	Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau	BC							x	x		2	
458	6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian														
459	Xác định được vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải -	BC	Xác định vị trí của đồ vật phía phải - phía trái , với bạn khác	BC		x								1	
460			Xác định vị trí của đồ vật phía phải - phía trái , với bản thân			x								1	
461					x							1			

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
462			Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới) so với bản thân trẻ		x									1	
463			Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới) với bạn khác.		x								1		
464	Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	BC	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	BC				x					x	2	
465	Gọi được tên các ngày trong tuần theo thứ tự	BC	Gọi tên các ngày trong tuần. Thứ 2,3,4,5,6,7, chủ nhật.	BC							x			1	
466	Nói được ngày trên đốc lịch	BC	Nhận biết ngày trên đốc lịch	BC									x	1	
467											x		1		
468	Nói được giờ trên đồng hồ/điện thoại	BC	Nhận biết giờ trên đồng hồ/điện thoại	BC		x				x		x		3	
469	Biết dđược: Sáng-trưa- chiều-tối	BC	Nhận biết sáng - trưa - chiều - tối	BC								x		1	
470	Gọi được tên các tháng trong năm theo thứ tự	BC	Nhận biết các tháng trong năm theo thứ tự	BC				x			x			2	
471	Gọi được tên các mùa trong năm theo thứ tự	BC	Nhận biết các mùa trong năm theo thứ tự. Mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông.	BC			x		x					2	
472	C. Khám phá xã hội														
473	1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng														
474	Nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình; số điện thoại của gia đình, quy mô gia đình	KOMP	Thông tin về gia đình và các thành viên trong gia đình (tên, tuổi, sở	NDCT			x							1	
475							x							1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
476	diện thoại của gia đình, quy mô gia đình, nhu cầu gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	KQMD	thích, nghề nghiệp, địa chỉ, nhu cầu, số điện thoại...)	NDCT			x								1	
477	Nói được một số đặc điểm nổi bật của gia đình mình và gia đình bạn khác	KQMD	Biết một số đặc điểm nổi bật của gia đình mình và gia đình bạn khác	NDCT			x								1	
478							x							1		
479							x							1		
480	Nói được một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình bé	KQMD	Biết một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình bé	NDCT			x								1	
481							x							1		
482							x							1		
483							x							1		
484	Biết được những đặc điểm nổi bật của trường/lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện	NDCT	Đặc điểm nổi bật của trường/lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường	NDCT	x										1	
485	Nói được họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện	KQMD	Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường	NDCT	x										1	
486	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	BC	Một số địa điểm công cộng gần gũi	BC			x								1	
487	2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương															

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
488	Biết được một số nghề truyền thống của địa phương. Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	NDCT	Nghề truyền thống của địa phương. Đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	NDCT				x							1	
489								x							1	
490								x							1	
491								x							1	
492								x							1	
493								x							1	
494								x							1	
495								x							1	
496								x							1	
497								x							1	
498	3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh															
499	Kể được tên và hoạt động nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa tại địa phương	NDCT	Tên và hoạt động nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa địa phương	NDCT					x						1	
500	Tìm hiểu ngày lễ Noel	NDCT	Tìm hiểu ngày lễ Noel	NDCT				x							1	
501	Tìm hiểu chú bộ đội	NDCT	Tìm hiểu chú bộ đội	NDCT				x							1	
502	Tìm hiểu ngày 8-3	NDCT	Tìm hiểu ngày 8-3	NDCT						x					1	
503	Tìm hiểu đặc sản quê bé	NDCT	Tìm hiểu đặc sản quê bé	NDCT									x		1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
504	Tìm hiểu về quê hương xã Tân Minh	NDCT	Tìm hiểu về quê hương xã Tân Minh	NDCT									x	1		
505	Tìm hiểu ngày lễ Noel	NDCT	Tìm hiểu ngày lễ Noel	NDCT				x						1		
506	Tìm hiểu ngày tết nguyên đán	NDCT	Tìm hiểu ngày tết nguyên đán	NDCT					x					1		
507	Tìm hiểu lễ hội dân gian quê bé	NDCT	Tìm hiểu lễ hội dân gian quê bé	NDCT					x					1		
508	Kể được tên và nêu được một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	NDCT	Tên và nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. Chùa Thiên Tộ, Linh Lai, Nhà thờ Xuân Hòa, nhà thờ Xuân Quang...	NDCT				x						1		
509												x	1			
510									x					1		
511													x	1		
512	Nhận biết, phân biệt được Lá Cờ của Tổ quốc	ĐP	Lá Cờ của Tổ quốc Việt Nam	ĐP									x	1		
513	III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ															
514	A. Nghe hiểu lời nói															
515	Có khả năng nghe hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	NDCT	Nghe hiểu các từ khái quát (đồ dùng, đồ chơi,...), từ trái nghĩa (cao - thấp, ngắn - dài)	NDCT	x									1		
516	Có khả năng nghe hiểu và thực hiện được các hướng dẫn bằng lời trong các hoạt động cá nhân, tập thể để hoàn thành nhiệm vụ	TLHD	Nghe hiểu và làm theo các hướng dẫn trong hoạt động cá nhân và tập thể (được 3-4 yêu cầu liên tiếp)	NDCT		x		x						2		
517	Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;	BC	Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;	BC	x									1		
518	Nói để người khác hiểu;	BC	Nói để người khác hiểu;	BC					x					1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
519	Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.	BC	Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.	BC						x				1		
520	Kể chuyện theo cách riêng.	BC	Kể chuyện theo cách riêng.	BC							x			1		
521	Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói;	BC	Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói;	BC								x		1		
522	. Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;	BC	. Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;	BC									x	1		
523	Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.	BC	Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.	BC									x	1		
524	. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau;	BC	. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau;	BC								x		1		
525	Kể chuyện theo cách riêng.	BC	Kể chuyện theo cách riêng.	BC							x			1		
526	. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau;	BC	. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau;	BC							x			1		
527	. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói;	BC	. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói;	BC		x								1		
528	Có khả năng nghe hiểu, sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp	NDCT	Nghe hiểu, sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp	NDCT							x			1		
529	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề	NDCT	x									1		
530					x									1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
531	trường mầm non		chủ đề Trường mầm non.		x									1		
532	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Bản thân	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Bản thân	NDCT		x								1		
533						x							1			
534						x										
535						x							1			
536	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Gia đình	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Gia đình	NDCT			x							1		
537							x						1			
538							x						1			
539	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Nghề nghiệp	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Nghề nghiệp	NDCT				x						1		
540								x						1		
541								x						1		
542								x						1		
543								x						1		
544	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x					1		
545									x					1		
546									x					1		
547									x					1		
548									x					1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
549	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Thế giới động vật	NDCT						x				1	
550							x							1	
551	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Phương tiện giao thông	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Phương tiện giao thông	NDCT						x				1	
552									x					1	
553	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Một số hiện tượng tự nhiên	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Một số hiện tượng tự nhiên	NDCT							x			1	
554											x				
555												x			1
556	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Quê hương - Bác Hồ - Trường tiểu học	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Quê hương- Bác Hồ - Trường Tiểu học	NDCT									x	1	
557	Có khả năng nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	NDCT	Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	NDCT				x						1	
558	Có khả năng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Trường mầm non- Vui tết trung thu	NDCT	Nghe các ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Trường mầm non - Vui tết trung thu	NDCT	x									1	
559		NDCT		NDCT	x	x								2	
560					x								1		
561					x								1		
562						x								1	
563						x							1		
564						x							1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú				
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH						
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5						
565	Có khả năng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Bản thân	NDCT	Nghe các ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Bản thân	NDCT		x									1				
566							x								1				
567							x									1			
568							x									1			
569							x									1			
570							x										1		
571	Có khả năng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề: NN	NDCT	Nghe các ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Nghề nghiệp	NDCT				x							1				
572								x								1			
573								x									1		
574	Có khả năng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Thế giới thực vật- tết &mùa xuân	NDCT	Nghe các ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Thế giới thực vật, tết &mùa xuân	NDCT					x						1				
575									x								1		
576									x									1	
577	Có khả năng nghe các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	NDCT	Nghe các ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Thế giới động vật	NDCT						x						1			
578										x								1	
579										x								1	
580										x								1	
581										x								1	
582										x								1	
583										x								1	
584													x					1	
585													x					1	
586	Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi và biết sử dụng phù hợp hoàn cảnh	ĐP	Một số sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) và sử dụng phù hợp	ĐP				x					x			2			

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
587	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	KQMĐ	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	KQMĐ	x					x			x	3	
588	B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày														
589	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	KQMĐ	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	NDCT		x		x					x	3	
590	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ			x			x	x			3	
591	Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân một cách rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	KQMĐ	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân một cách rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	NDCT		x		x						2	
592	Biết miêu tả sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,.. của nhân vật	KQMĐ	Miêu tả sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,.. của nhân vật	NDCT						x	x			2	
593	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Gia đình	NDCT	x									1	
594					x									1	
595						x								1	
596							x							1	
597							x							1	
598							x								1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
599	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x						1		
600								x						1		
601	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề:Thế giới thực vật, tết &mùa xuân	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x					1		
602									x					1		
603									x						1	
604	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	NDCT						x				1		
605										x					1	
606	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Phương tiện giao thông	NDCT							x			1		
607											x				1	
608												x				1
609	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: HTTN	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: HTTN	NDCT								x		1		
610												x			1	
611												x			1	
612												x			1	
613	Có khả năng đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Quê hương - Bác Hồ - Trường Tiểu học	KQMĐ	Đọc thuộc bài thơ phù hợp độ tuổi và chủ đề: Quê hương - Bác Hồ - Trường Tiểu học	NDCT									x	1		
614		KQMĐ		NDCT								x	1			
615											x	1				
616											x	1				
617	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao, hò, vè... phù hợp độ tuổi và chủ đề: Bản thân	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao, hò, vè... phù hợp độ tuổi và chủ đề: Bản thân	NDCT		x								1		
618						x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
619	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Gia đình	NDCT			x							1	
620							x						1		
621							x						1		
622	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT									0		
623								x					1		
624	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao, hò vè phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x					1	
625									x					1	
626		KQMĐ		NDCT					x					1	
627									x					1	
628	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề:Thế giới động vật	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	NDCT						x				1	
629										x					1
630	Có khả năng đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ	Đọc thuộc bài đồng dao phù hợp độ tuổi và chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	NDCT								x		1	
631												x			1
632	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Trường mầm non	KOMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Trường mầm non	NDCT	x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
633					x									1		
634	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Gia đình	NDCT			x								1	
635	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x							1	
636								x							1	
637	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: thế giới động vật	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Thế giới động vật	NDCT						x					1	
638		KQMĐ		NDCT						x					1	
639	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Phương tiện giao thông	NDCT						x					1	
640												x				
641	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	NDCT								x			1	
642	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, phù hợp chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu học	KQMĐ	Đọc biểu cảm bài thơ phù hợp chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường Tiểu học	NDCT										x	1	
643	Kể lại được nội dung chuyện/sự việc đã được nghe theo trình tự nhất định về chủ đề: Nghề nghiệp	BC	Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự theo chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x							1	
644	Kể lại được nội dung chuyện/sự việc đã được nghe theo trình tự nhất định về chủ đề: Thế giới thực vật	BC	Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự theo chủ đề: Thế giới thực vật	NDCT					x						1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
645	Kể lại được nội dung chuyện/sự việc đã được nghe theo trình tự nhất định về chủ đề: Gia đình	BC	Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự theo chủ đề: Gia đình	NDCT			x								1	
646	Kể lại được nội dung chuyện/sự việc đã được nghe theo trình tự nhất định về chủ đề:	BC	Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự theo chủ đề: Phương tiện giao thông	BC							x				1	
647	Phương tiện giao thông										x			1		
648	Trẻ biết kể 1 câu truyện sáng tạo theo ý trẻ	BC	Trẻ biết kể 1 câu truyện sáng tạo theo ý trẻ	BC								x			1	
649													x	1		
650	Trẻ biết kể 1 câu truyện sáng tạo theo đồ vật theo ý của trẻ	BC	Trẻ biết kể 1 câu truyện sáng tạo theo đồ vật theo ý của trẻ	BC	x										1	
651	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	KQMĐ	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	KQMĐ	x	x	x		x	x	x	x	x		8	
652	Biết đóng kịch theo nội dung câu chuyện	KQMĐ	Đóng kịch theo nội dung câu chuyện	KQMĐ											0	
653										x				1		
654	Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp	KQMĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa", ... trong giao tiếp	NDCT	x		x								2	
655	Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự phù hợp với tình huống trong giao tiếp	KQMĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự "Cảm ơn", "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"... phù hợp với tình huống trong GT	NDCT		x		x				x			3	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
656	Biết tự điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ	x						x			2	
657	Biết trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"; Biết hỏi lại khi không hiểu người khác nói: "tại sao?", "như thế nào?"	NDCT	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"; Biết hỏi lại khi không hiểu người khác nói: "tại sao?", "như thế nào?"	NDCT		x						x		2	
658	Không nói tục, chửi bậy	BC	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	BC			x							1	
659	C. Làm quen với việc đọc - viết														
660	Biết tự chọn sách để "đọc" và xem	KQMĐ	Tự chọn sách để "đọc" và xem	KQMĐ		x			x		x	x		4	
661	Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in;	BC	Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in;	BC	x										
662	Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	KQMĐ	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trang đầu đến trang cuối, cách ngắt nghỉ sau các dấu câu + Hướng viết của các nét chữ	NDCT	x								x	2	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
663	Biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Biết giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT			x				x				2	
664	Nhận ra và thực hiện đúng kí hiệu thông thường trong cuộc sống	BC	Làm quen, thực hiện theo chỉ dẫn của một số kí hiệu thông thường ở gia đình, trường lớp, nơi công cộng	BC								x	x		2	
665	. Bắt chước hành vi “viết”.	BC	"Viết thư"	BC							x	x			2	
666	Thích và có hành vi phù hợp với việc , “viết”;	BC	Thích và có hành vi phù hợp với việc	BC	x	x	x			x	x	x	x			
667	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa o, ô, ơ	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa o, ô, ơ	NDCT	x										1	
668	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa a, ă, â	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa a, ă, â	NDCT		x									1	
669	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa e, ê	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa e, ê	NDCT			x								1	
670	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa u,ư	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa u,ư	NDCT				x							1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
671	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa I,t,c	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa I,t,c	NDCT				x							1	
672	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa h,k	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa h,k	NDCT					x						1	
673	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa n, m,l	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa n, m, l	NDCT											0	
674	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa p,q	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa p,q	NDCT					x						1	
675	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa b,d,đ	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa b,d,đ	NDCT						x					1	
676	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa p,q	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa p,q	NDCT							x				1	
677	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa g,y	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa g,y	NDCT								x			1	
678	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa s,x	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa s,x	NDCT									x		1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
679	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa v,r	KQMĐ	Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa v,r	NDCT									x	1	
680	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái TV thông qua một số trò chơi chữ cái: o, ô, ơ	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái TV thông qua một số trò chơi chữ cái: o, ô, ơ	NDCT	x									1	
681	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái TV thông qua một số TC chữ cái: a, ă, â	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái TV thông qua 1 số TC chữ cái: a, ă, â	NDCT		x								1	
682	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: e, ê	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: e,ê	NDCT			x							1	
683	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: i, t, c	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: i, t, c	NDCT				x						1	
684	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái:u,ư	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: u, ư	NDCT				x						1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
685	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: b, d, đ	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: b, d, đ	NDCT					x					1	
686	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: m, l, n	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: m,n, l	NDCT					x					1	
687	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: h, k	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: h, k	NDCT						x				1	
688	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: p-q	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: p-q	NDCT							x			1	
689	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: g,y	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: g, v	NDCT								x		1	
690	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: s,x	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: s, x	NDCT									x	1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 - 9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
691	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: v,r	KQMĐ	Ôn luyện lại nhóm chữ cái in hoa, in thường trong bảng chữ cái Tiếng Việt thông qua một số trò chơi chữ cái: v,r	NDCT									x	1		
692	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	KQMĐ	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	NDCT		x				x					2	
693	Biết "viết" tên của bản thân theo cách của mình	BC	"Viết" tên của bản thân theo cách của mình	BC			x						x	2		
694	IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI															
695	A. Phát triển tình cảm															
696	1. Thể hiện ý thức về bản thân															
697	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	BC	Một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	BC			x								1	
698	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	BC	Sở thích, khả năng của bản thân	BC		x									1	
699	Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác.	BC	Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với r	BC									x	1		
700	Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra;	BC	Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra;	BC							x				1	
701	Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.	BC	Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.	BC								x			1	
702	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	BC	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	BC		x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
703	Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình	BC	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	BC	x								x	2		
704							x							1		
705	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	BC	Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)	BC		x						x		2		
706	Biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày	BC	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	NDCT	x									1		
707	Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân	BC	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	BC								x		1		
708	Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	BC	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	BC		x								1		
709	Có khả năng đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	BC	Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi.	BC		x								1		
710											x		1			
711											x		1			
712										x	x		2			
713	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực															
714	Có khả năng tự làm được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày	KQMĐ	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày	TLHD	x		x				x			3		
715								x					1			
716									x				1			
717			Thực hiện công việc theo sự phân công và giám sát của cô giáo		x									1		
718							x						1			
719								x						1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
720	Cố gắng tự hoàn thành đến cùng công việc được giao có sự giám sát của giáo viên. Tự nhận xét được mức độ hoàn thành công việc. Biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	KQMĐ		TLHD				x							1	
721								x							1	
722								x							1	
723												x			1	
724													x		1	
725									x						1	
726									x						1	
727										x					1	
728							x								1	
729								TLHD				x				
730	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh															
731								x						1		
732								x						1		
733							x							1		
734									x					1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
735	Biết thể hiện thái độ tình cảm thông qua lời nói và hành động với cô chú bộ đội, bác sĩ, công nhân.....	KQMĐ	Biết thể hiện thái độ tình cảm thông qua lời nói và hành động với cô chú bộ đội, bác sĩ, công nhân.....	BC									x	1	
736								x						1	
737					x									1	
738								x						1	
739						x									1
740	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	KQMĐ	Cách đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	NDCT		x		x	x			x		4	
741	Biết được mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	BC	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	BC	x		x		x	x				4	
742	Biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	BC	Quan tâm đến người thân và bạn bè	KQMĐ		x		x				x		3	
743	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	BC	Cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực	BC			x		x		x		x	4	
744	Biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	BC	Sự thích ứng phù hợp hoàn cảnh giao tiếp	BC		x		x			x			3	
745	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.	BC	Quan tâm và giúp đỡ người khác	BC	x				x					2	
746						x				x				2	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH				
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5				
747	Biết yêu quý con vật xung quanh mình	BC	Quan tâm chăm sóc con vật	BC						X					1		
748										X					1		
749	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc). Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	KQMĐ	Ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc). Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	NDCT									X		1		
750								X							1		
751								X								1	
752					X											1	
753	Biết được các kỳ nghỉ lễ trong năm và một số nét văn hóa nổi bật của một số nước khác nhau trên thế giới	ĐP	Các kỳ nghỉ lễ trong năm và một số nét văn hóa nổi bật của một số nước khác nhau trên thế giới	BC					X						1		
754	B. Phát triển kỹ năng xã hội																
755	1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội																
756	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Dọn dẹp và sắp xếp đồ dùng, sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép, trật tự khi ăn - ngủ, đi bên phải lề đường	NDCT	X										1		
757						X									1		
758												X			1		
759														X			
760															X		1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
761	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	KQMĐ	Lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự trong giao tiếp	NDCT		x		x		x	x			4	
762	Biết lắng nghe ý kiến của người khác và trao đổi ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm của mình với các bạn	KQMĐ	Lắng nghe và trao đổi ý kiến với người khác	BC	x				x		x		x	4	
763	Biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè và chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	BC	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	BC		x		x		x	x		x	5	
764	Biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - " sai", " tốt" - " xấu" ; nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	BC	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi " đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	BC	x		x			x	x		x	5	
765	Biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	NDCT	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	NDCT			x							1	
766							x							1	
767	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	KQMĐ	Cách đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	BC			x		x					2	
768	2. Quan tâm đến môi trường														
769	Thích chăm sóc cây	KQMĐ	Bảo vệ, chăm sóc cây cối	NDCT		x		x						2	
770								x					1		
771	Thích chăm sóc con vật	KQMĐ	Bảo vệ, chăm sóc con vật	NDCT						x				1	
772	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và biết nhắc nhở mọi người	KQMĐ	Hành vi giữ gìn, bảo vệ môi trường	NDCT								x		1	
773		KQMĐ		NDCT							x	x		2	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
774	xung quanh cùng thực hiện	KQMĐ		NDCT						x		x		2		
775	Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn	KQMĐ	Tiết kiệm trong sinh hoạt	NDCT	x					x	x		x	4		
776	V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ															
777	A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật															
778	Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên , cuộc sống và nghệ thuật	BC	Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên , cuộc sống và nghệ thuật	BC		x	x			x		x		4		
779	Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống	BC	Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống	BC			x							1		
780	Có hành vi thể hiện x sự yêu quý , giữ gìn sản phẩm nghệ thuật cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống	BC	Có hành vi thể hiện x sự yêu quý , giữ gìn sản phẩm nghệ thuật cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống	BC				x						1		
781	Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên cuộc sống	BC	Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên cuộc sống	BC		x								1		
782	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Trường mầm non	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Trường mầm non	KQMĐ	x									1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
783	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Bản thân	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Bản thân	KQMĐ		x									1	
784	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Gia đình	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Gia đình	KQMĐ			x								1	
785	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Nghề nghiệp	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ				x							1	
786	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Tết, mùa xuân, thế giới thực vật	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ					x						1	
787	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Thế giới động vật	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Thế giới động vật	KQMĐ						x					1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
788	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Phương tiện giao thông	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ							x			1		
789	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : HTTN	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ								x		1		
790	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc, phù hợp với độ tuổi và chủ đề : Quê hương, Bác Hồ, Trường Tiểu học	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; phù hợp với độ tuổi và chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu học	KQMĐ									x	1		
791	Thích thú, ngắm nhìn và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình	KQMĐ	Nói cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình	KQMĐ	x				x		x		x	4		
792	B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình															
793	Thích nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Dân gian địa	NDCT	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Dân gian địa	NDCT		x		x	x			x		4		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
794	nhạc cô điển)		phương										x	1		
795	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Trường mầm non và tết trung thu	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Trường mầm non và Tết trung thu	NDCT	x										1	
796					x										1	
797					x										1	
798					x										1	
799					x										1	
800	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Bản thân	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Bản thân	NDCT		x									1	
801						x									1	
802						x									1	
803						x									1	
804	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Gia đình	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Gia đình	NDCT			x								1	
805							x								1	
806							x								1	
807							x								1	
808							x								1	
809							x								1	
810	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát	NDCT				x							1	
811								x							1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú		
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH				
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5				
812	tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT	tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Nghề nghiệp	NDCT				x							1		
813								x							1		
814	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: thế giới thực vật	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : thế giới thực vật	NDCT				x							1		
815								x						1			
816								x						1			
817								x						1			
818	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Thế giới động vật	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Thế giới động vật	NDCT					x						1		
819									x						1		
820									x						1		
821									x						1		
822									x						1		
823									x						1		
824				NDCT						x					1		
825										x					1		
826										x					1		
827										x					1		
828	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Phương tiện giao thông	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Phương tiện giao thông	NDCT							x				1		
829											x					1	
830												x			1		
831													x			1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
832	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Hiện tượng tự nhiên	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Hiện tượng tự nhiên	NDCT								x		1		
833												x		1		
834													x	1		
835													x	1		
836	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, Trường tiểu học	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc theo chủ đề : Quê hương, Bác Hồ, Trường Tiểu học	NDCT									x	1		
837		NDCT									x	1				
838	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Trường mầm non	NDCT	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Trường mầm non	NDCT	x									1		
839					x									1		
840					x									1		
841					x									1		
842	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Bản thân	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Bản thân	NDCT		x								1		
843						x								1		
844						x								1		
845						x								1		
846	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Gia đình	NDCT			x							1		
847							x							1		
848							x							1		
849							x							1		
850	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm							x						1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú				
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH						
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5						
851	phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Nghề nghiệp	NDCT				x							1				
852								x							1				
853								x								1			
854	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x						1				
855									x							1			
856									x								1		
857	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Thế giới động vật và ngày 08/03	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Thế giới động vật và ngày 08/03	NDCT						x					1				
858										x						1			
859										x							1		
860										x							1		
861	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Phương tiện giao thông	NDCT							x				1				
862											x						1		
863											x							1	
864											x							1	
865	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ theo chủ đề: Quê hương, Bác Hồ, trường	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát theo chủ đề; Quê hương, Bác Hồ, trường	NDCT									x		1				
866													x				1		
867														x				1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
868	Chủ đề: Que hương, Bạc Hò, Truong tiu học		tiểu học									x	1			
869	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu,	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo	NDCT	x									1		
870	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu,	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Bản thân	NDCT		x								1		
871	múa) theo chủ đề: Bản thân					x								1		
872	Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Xác xô, trống, gáo dừa, phách tre phù hợp với chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Xác xô, trống, gáo dừa, phách tre phù hợp với chủ đề: Gia đình	NDCT			x							1		
873							x							1		
874							x								1	
875	Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Xác xô, trống, gáo dừa, phách tre phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Xác xô, trống, gáo dừa, phách tre phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x						1		
876								x							1	
877	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x					1		
878									x						1	
879									x							1

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
880	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Thế giới động vật- Ngày hội 8/3	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Thế giới động vật - Ngày hội 8/3	NDCT						x				1	
881	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Thế giới động vật- Ngày hội 8/3	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Thế giới động vật - Ngày hội 8/3	NDCT							x			1	
882	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Phương tiện giao thông										x			1	
883	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc theo chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên	NDCT								x		1	
884	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên											x		1	
885	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Quê hương. Bác Hồ,	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhíp điệu và thể hiên sắc thái phù	NDCT									x	1	
886	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) theo chủ đề: Quê hương. Bác Hồ,												x	1	
887	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Trường mầm non- Tết trung thu	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Trường mầm non - Tết trung thu	NDCT	x									1	
888	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Bản thân	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Bản thân	NDCT		x								1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú	
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
889	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Gia đình	NDCT			x								1	
890	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x							1	
891	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Tết, mùa xuân, thế giới thực vật	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Tết, mùa xuân, thế giới thực vật	NDCT					x						1	
892	Trẻ biết mạnh dạn tự tin thể hiện bài hát, rèn kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Rèn luyện kĩ năng âm nhạc phù hợp với chủ đề: Phương tiện giao thông	NDCT							x				1	
893	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Trường mầm non	KQMĐ	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Trường mầm non	NDCT	x										1	
894					x									1		
895						x								1		
896					x									1		
897					x									1		
898						x								1		
899						x								1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú		
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH					
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5					
900						x									1			
901	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x								1		
902								x								1		
903								x									1	
904								x									1	
905								x										1
906	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Gia đình	NDCT			x									1		
907							x										1	
908	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Hiên tương	KQMĐ	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Hiên tương	NDCT								x				1		
909												x					1	
910														x			1	
911														x			1	
912															x			1
913	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMĐ	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	NDCT					x							1		
914									x								1	
915									x									1
916									x							1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
917	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân	KQMD	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề: Thế giới thực vật, tết & mùa xuân					x					1			
918								x					1			
919								x					1			
920								x					1			
921								x					1			
922								x					1			
923								x					1			
924								x					1			
925	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề:	KQMD	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với chủ đề	NDCT						x				1		
926										x				1		
927											x			1		
928											x			1		
929	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	KQMD	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề:	NDCT	x									1		
930					x									1		
931	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Bản thân	NDCT		x								1		
932						x							1			
933						x							1			
934	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		KQMD	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề:				x						1		
935								x						1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú		
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH				
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5				
936			Bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Gia đình			x								1			
937	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	KQMĐ	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: nghề nghiệp	NDCT				x							1		
938								x							1		
939								x								1	
940								x								1	
941								x								1	
942								x									1
943				x										1			
944	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	KQMĐ	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Thế giới thực vật tết & mùa xuân	NDCT					x						1		
945									x							1	
946									x								1
947	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	KQMĐ	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề:	NDCT						x					1		
948										x						1	
949		KQMĐ	Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề	NDCT								x				1	
950	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề									x			1		
951													x				1
952			Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo											x	1		

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
953	Biết vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	KQMĐ	thanh bức tranh có màu sắc hai hoa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Quê hương, Bác hồ, trường tiểu học	NDCT									x	1	
954													x	1	
955													x	1	
956	Biết vẽ theo ý thích phù hợp với từng chủ	KQMĐ	Biết vẽ theo ý thích phù hợp với	NDCT	x									1	
957	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Bản thân	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Bản thân	NDCT		x								1	
958						x							1		
959						x							1		
960	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Gia đình	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Gia đình	NDCT			x							1	
961	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Nghề nghiệp	NDCT				x						1	
962							x						1		
963									x					1	
964									x					1	
965									x					1	
966	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Thế giới động vật	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Thế giới động vật	NDCT						x				1	
967										x				1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/10	Từ 6/10- 31/10	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/03	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
968	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Phương tiện giao thông	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề: Phương tiện giao thông	NDCT							x			1	
969										x			1		
970										x			1		
971	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoa,	KQMĐ	Cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoa, bố cục cân đối	NDCT								x		1	
972							x						1		
973	Biết cách nặn, biết xoay tròn, lăn dài. ấn bột....	KQMĐ	Lam dẻo đất, xoay tròn, ấn bột....	NDCT				x						1	
974	Biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	KQMĐ	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	NDCT			x		x		x			3	
975	Biết pha trộn màu để tạo ra màu mới	ĐP	Pha trộn màu nước	ĐP	x					x				2	
976	Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	KQMĐ	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục	NDCT		x						x		2	
977	C. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)														
978	Có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	KQMĐ	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	NDCT	x					x			x	3	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
979	Biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	KQMĐ	Tự tạo ra tiết tấu khi nghe nhạc, nghe hát bằng cách gõ đệm bằng dụng cụ gõ	TLHD		x						x		2	
980	Có khả năng đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	NDCT	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	NDCT			x			x				2	
981	Có khả năng tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	NDCT	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	NDCT		x						x		2	
982	Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng(như cắm hoa, sắp xếp đồ vật, có lời nói lịch sự thân ái	KQMĐ	Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng(như cắm hoa, sắp xếp đồ vật, có lời nói lịch sự thân ái	BC	x	x	x			x	x	x	x	7	
983	Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật	KQMĐ	Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật	BC	x										
984	Có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	KQMĐ	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	NDCT							x	x	x	3	
985	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQMĐ	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	NDCT		x		x				x		3	
986	VI.Tiếp cận với việc học		VI.Tiếp cận với việc học												
987	Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng;	KQMĐ	Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng;	BC	x									1	

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH			
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5			
988	Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động;	KQMĐ	Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động;	BC		x									1	
989	Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;	KQMĐ	Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;	BC			x						x		2	
990	Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động;	KQMĐ	Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động;	BC				x				x			2	
991	. Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.	KQMĐ	. Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.	BC					x				x		2	
992	Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân;	KQMĐ	Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân;	BC						x		x			2	
993	Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.	KQMĐ	Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.	BC		x	x			x		x			4	
	CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG PHÂN BỐ VÀO CHỦ ĐỀ				126	137	160	164	163	126	123	128	130			

tt	Mục tiêu năm	Nguồn	Nội dung năm	Nguồn	DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú
					TMN	BT	GD	NN	TGT V	ĐV	PTG T	HTT N	QH TTH		
					Từ 5/9 - 03/1 0	Từ 6/10- 31/1 0	Từ 3/11 - 5/12	Từ 8/12 -9/01	Từ 12/1- 13/2	Từ 23/2- 13/0 3	Từ 16/3- 3/04	Từ 6/04 -24/4	Từ 27/4 -22/5		
	Trong đó: - Lĩnh vực thể chất		Trong đó: - Lĩnh vực thể chất		40	40	51	50	52	33	38	34	40		
	Lĩnh vực nhận thức -		- Lĩnh vực nhận thức		26	27	42	41	38	32	32	33	33		
	Lĩnh vực ngôn ngữ -		- Lĩnh vực ngôn ngữ		23	24	25	25	23	25	22	25	20		
	Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội -		- Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội		12	14	12	17	11	13	11	13	12		
	Lĩnh vực thẩm mỹ -		- Lĩnh vực thẩm mỹ		25	32	30	31	39	23	20	23	25		

BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP